

NHỮNG BẤT CẬP TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

VŨ XUÂN TIỀN*

Kế toán là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động. Với khái niệm trên, ở mọi quốc gia, tổ chức, doanh nghiệp, công tác kế toán đều có vai trò đặc biệt quan trọng.

Với các doanh nghiệp Việt Nam, sau hơn 20 năm hoạt động theo cơ chế thị trường, công tác kế toán đã có những chuyển biến đáng ghi nhận. Đặc biệt, từ năm 2004, khi Luật Kế toán được ban hành và có hiệu lực, hành lang pháp lý cho công tác kế toán phù hợp với hoạt động kinh doanh trong kinh tế thị trường đã được xác lập. Tuy nhiên, với thực trạng về tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc khu vực ngoài quốc doanh, cũng như từ những đòi hỏi cao hơn đối với công tác quản trị doanh nghiệp trong điều kiện mới, có thể khẳng định rằng, hoàn thiện công tác kế toán doanh nghiệp đã và đang là một yêu cầu khách quan và cấp bách ở Việt Nam hiện nay.

1. Thực trạng công tác kế toán ở Việt Nam hiện nay

Hiện nay, việc tổ chức thực hiện công tác kế toán trong các doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn nhiều yếu kém và bất cập. Trước

hết, tại các doanh nghiệp, điển hình là các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc khu vực ngoài quốc doanh, việc tổ chức thực hiện công tác kế toán chủ yếu nhằm “đối phó” với cơ quan thuế. Phần lớn chủ doanh nghiệp không sử dụng những số liệu trong sổ kế toán và báo cáo tài chính phục vụ cho công tác quản lý của mình. Vì vậy, vai trò quan trọng về mặt lý thuyết của công tác kế toán như là một công cụ quan trọng để quản lý và bảo đảm sự lành mạnh về tài chính, căn cứ chủ yếu để có những số liệu thống kê đánh giá sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, và cơ sở để chủ doanh nghiệp đưa ra những quyết định quản lý đều không trở thành hiện thực.

Thứ hai, tình trạng “hai trong một”, thậm chí là “ba trong một” trong hệ thống sổ kế toán và báo cáo tài chính của các doanh nghiệp đang là phổ biến ở Việt Nam hiện nay và không chỉ xảy ra ở các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Đó là việc có nhiều hệ thống kế toán trong một doanh nghiệp, thông thường là một hệ thống nội bộ phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh thực và chỉ chủ doanh nghiệp mới biết và một hệ thống đã “chế biến” để nộp cho cơ quan thuế,

* Vũ Xuân Tiền, Luật gia, Chủ tịch Hội đồng Tư vấn Công ty tư vấn VFAM Việt Nam

thống kê, đăng ký kinh doanh nhằm mục đích trốn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp cần huy động vốn từ các ngân hàng, ngoài hệ thống nội bộ, hệ thống báo cáo cơ quan thuế, còn có thêm hệ thống sổ sách để nộp cho ngân hàng khi làm thủ tục vay vốn.

Thứ ba, đội ngũ cán bộ làm công tác kế toán chưa được các doanh nghiệp coi trọng. Phần lớn các doanh nghiệp nhỏ và vừa không bố trí đủ nhân sự thực hiện công tác kế toán, nhiều doanh nghiệp không có Kế toán trưởng hoặc bổ nhiệm kế toán trưởng không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Cán bộ kế toán được coi là bộ phận hành chính, do đó, các chế độ đãi ngộ không tương xứng, trong không ít trường hợp, chủ doanh nghiệp còn ép kế toán làm trái pháp luật. Vì vậy, cán bộ kế toán trong các doanh nghiệp thường không ổn định, ảnh hưởng nghiêm trọng đến yêu cầu quản lý liên tục của công tác kế toán.

Thứ tư, đội ngũ kế toán viên, mặc dù được đào tạo chính quy ở các trường đại học nhưng năng lực quá yếu so với yêu cầu thực tiễn. Những nhược điểm lớn của sinh viên vừa tốt nghiệp ra trường là: không cập nhật thông tin về những thay đổi, những chính sách mới liên quan đến nghề nghiệp; không nắm được những kiến thức có liên quan, thậm chí là liên quan rất mật thiết đến nghề nghiệp... Chẳng hạn, khá nhiều sinh viên tốt nghiệp đúng chuyên ngành kế toán nhưng không biết Luật Kế toán được ban hành và có hiệu lực từ năm nào, hầu như chưa biết gì về chuẩn mực kế toán; không phân biệt được sự khác nhau giữa công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần... Một bộ phận những người làm công tác kế toán đã không tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, do đó, đã xuất

hiện tình trạng kế toán trưởng đưa chứng từ kế toán về nhà riêng, tạo thành một điều kiện để chủ doanh nghiệp phải thanh toán tiền lương, phụ cấp... Hành động đó không chỉ vi phạm đạo đức nghề nghiệp mà còn vi phạm pháp luật.

2. Nguyên nhân và hậu quả

Những hạn chế, bất cập trong công tác kế toán doanh nghiệp như nêu trên có rất nhiều nguyên nhân, song, có thể nêu những nguyên nhân chủ yếu sau đây.

Một là, công tác kế toán doanh nghiệp từ lâu đã là lĩnh vực chưa được quản lý, kiểm tra, giám sát. Mặc dù, Luật Kế toán và Nghị định số 129/2004/NĐ-CP có quy định rất rõ về việc kiểm tra công tác kế toán ở các doanh nghiệp, tuy vậy, trên thực tế, chỉ cơ quan thuế có quan tâm đến công tác kế toán ở các doanh nghiệp. Số liệu kế toán có ý nghĩa rất lớn đối với việc kiểm tra tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp, dầu vậy, kiểm tra tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách của doanh nghiệp không phải là toàn bộ nội dung của việc kiểm tra công tác kế toán. Thông qua các sổ kế toán, các chứng từ, tài liệu kế toán, cơ quan thuế chỉ cần xác định được số thuế phải nộp, số thuế đã nộp và số thuế còn phải nộp. Đó là tất yếu và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thuế. Vì vậy, còn rất nhiều nội dung khác về việc kiểm tra công tác kế toán không được kiểm tra, giám sát.

Hai là, khá nhiều chủ doanh nghiệp đã không nhận thức đúng mức tầm quan trọng của công tác kế toán trong doanh nghiệp. Điều này xuất phát từ nguyên nhân khách quan là đa số các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc khu vực ngoài quốc doanh Việt Nam

hiện nay là “doanh nghiệp gia đình”. Khi là “doanh nghiệp gia đình” thì các doanh nghiệp thường quen với “sổ chợ” hơn là một hệ thống kế toán theo những chuẩn mực nghiêm túc, quen quản lý theo sự thuận tiện hơn là nguyên tắc khoa học, trong đó, bao gồm cả công tác quản lý tài chính và kế toán doanh nghiệp.

Ba là, môi trường kinh doanh ở Việt Nam hiện nay chưa đặt ra yêu cầu cấp thiết và cũng chưa tạo ra những điều kiện để các doanh nghiệp phải công khai, minh bạch tình hình tài chính của mình. Các quan hệ trong kinh tế thị trường phải xuất phát từ năng lực của các doanh nghiệp, đối tác, trong đó quan trọng hơn cả là năng lực tài chính thể hiện qua các báo cáo tài chính được công khai, minh bạch. Ở Việt Nam, kinh tế thị trường còn ở trình độ thấp, khá nhiều quan hệ kinh tế giữa doanh nghiệp với đối tác là nhờ sự “bảo kê” của những nhóm quyền lực, vì vậy, việc có các báo cáo tài chính đúng, đủ và minh bạch, trong rất nhiều trường hợp là không cần thiết.

Bốn là, các số liệu kế toán, các báo cáo tài chính của doanh nghiệp, dù bảo đảm sự chính xác và khoa học đến đâu cũng là “sản phẩm chủ quan” của chính doanh nghiệp. Vì vậy, những số liệu, tài liệu đó phải được sự kiểm tra, xác nhận của một đơn vị trung gian, đó là các đơn vị kiểm toán. Kiểm toán Nhà nước chủ yếu chỉ kiểm toán việc sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước. Vì vậy, chức năng “công chứng” các số liệu, báo cáo tài chính của các doanh nghiệp chủ yếu thuộc về kiểm toán độc lập. Tiếc thay, cho đến nay, văn bản pháp lý cao nhất điều chỉnh hoạt động của kiểm toán độc lập ở Việt Nam mới là một nghị định của Chính phủ.

Việc quy định bắt buộc các công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) và công ty cổ phần thuộc mọi thành phần kinh tế phải kiểm toán báo cáo tài chính trước khi nộp cho các cơ quan quản lý nhà nước, trước khi công khai, khi vay vốn... vẫn đang trong “quá trình nghiên cứu”!

Với thực trạng và nguyên nhân nêu trên, sự yếu kém trong công tác kế toán của các doanh nghiệp Việt Nam đã gây ra những hậu quả lớn với chính các doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Các hậu quả đối với doanh nghiệp là sự thiếu minh bạch về tài chính, dẫn đến sự đổ vỡ, mất uy tín trong kinh doanh; không thể tiếp cận được nguồn vốn tín dụng từ các ngân hàng; khó có thể mở rộng phạm vi kinh doanh thông qua liên doanh, liên kết và thu hút vốn từ các nhà đầu tư. Các hậu quả đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân trước hết là sự thất thu của ngân sách nhà nước từ những báo cáo tài chính “lãi thật, lỗ giả”; là sự “méo mó” của các số liệu thống kê như tổng số vốn đã được huy động vào sản xuất kinh doanh, GDP của từng địa phương, từng ngành và cả nước và tất nhiên là cả các chỉ tiêu về hiệu quả sản xuất, kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn... ở cả hai phạm vi nói trên, sự thiếu minh bạch trong quản lý tài chính của các doanh nghiệp đã và đang trở thành thách thức lớn khi Việt Nam gia nhập WTO, hội nhập kinh tế quốc tế sâu hơn và toàn diện hơn.

3. Những giải pháp cấp bách

Khắc phục tình trạng yếu kém trong công tác kế toán doanh nghiệp hiện nay là đòi hỏi khách quan, không thể trì hoãn. Tác giả cho rằng, có những giải pháp cấp bách sau đây cần được hiện.

Thứ nhất, đưa nội dung “kiểm tra kế toán” trong Luật Kế toán vào cuộc sống. Mục 4, Chương II, từ Điều 35 đến Điều 38 của Luật Kế toán đã quy định về công tác kiểm tra kế toán. Khoản 2, Điều 25, Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/05/2004 của Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh” quy định: “Cơ quan Thanh tra Nhà nước, Thanh tra Tài chính, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan thuế khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra, kiểm toán các đơn vị kế toán có quyền kiểm tra kế toán”. Tuy nhiên, toàn bộ nội dung về kiểm tra thuế, thanh tra thuế trong Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành lại không đề cập đến nội dung kiểm tra công tác kế toán của cơ quan thuế. Ngành thuế cũng có nhiều văn bản khẳng định rằng, cơ quan thuế không có quyền kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán. Do đó, trên thực tế, việc kiểm tra công tác kế toán đối với các doanh nghiệp đang là lĩnh vực còn bỏ trống. Đó là nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự tùy tiện của các doanh nghiệp trong việc bổ nhiệm kế toán trưởng, hình thành nhiều hệ thống sổ kế toán, thuê làm kế toán, thuê kế toán trưởng không đúng quy định của pháp luật. Đã đến lúc cần một Thông tư hướng dẫn Nghị định số 129/2004/NĐ-CP, trong đó, quy định cụ thể hơn việc kiểm tra công tác kế toán tại các doanh nghiệp. Tất nhiên, cũng cần ngăn ngừa tình trạng lấy việc kiểm tra công tác kế toán để sách nhiễu các doanh nghiệp.

Thứ hai, thường xuyên đào tạo nâng cao năng lực, cập nhật kiến thức mới về chuyên môn cho đội ngũ kế toán viên của các doanh nghiệp. Từ năm 2001 đến nay, Bộ Tài chính đã nghiên cứu và ban hành 26 chuẩn mực kế toán. Đó là sự cố gắng lớn đáng ghi nhận.

Tuy vậy, việc hiểu đúng và đủ nội dung các chuẩn mực kế toán đã ban hành và vận dụng vào thực tiễn đang là một thách thức lớn đối với đội ngũ kế toán viên ở Việt Nam. Thách thức ấy càng lớn hơn đối với những kế toán viên trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

(Xem tiếp trang 72)

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Luật số 03/2003/QH11: Luật Kế toán, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XI, kì họp thứ 3, thông qua ngày 17/6/2003.
2. Luật số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006: Luật Quản lý thuế, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 29/11/2006.
3. Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán trong hoạt động kinh doanh.
4. Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và công bố bốn (04) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).
5. Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và công bố sáu (06) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4).
6. Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và công bố bốn (04) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1).
7. Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ Kế toán doanh nghiệp.
8. Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và công bố sáu (06) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2).
9. Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và công bố sáu (06) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3).
10. Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.

và thủ tục hành chính nói riêng ở nước ta hiện nay. Suy cho cùng, cán bộ công chức Nhà nước là những người nghiên cứu đề xuất dự thảo luật pháp, chính sách, đồng thời lại là những người tổ chức chỉ đạo thực hiện luật pháp, chính sách đó. Khi tiền lương đủ sống cho bản thân và gia đình theo mức độ trung bình của xã hội họ sẽ toàn tâm toàn ý làm việc trong cơ quan Nhà nước với năng suất, chất lượng, cường độ lao động và hiệu quả lao động cao hơn. Tình trạng “chân ngoài dài hơn chân trong” hoặc “chảy máu chất xám” sẽ được hạn chế. Những phiền hà vốn có trong các thủ tục hành chính cũng do đó được khắc phục. Giải pháp này rất trùng hợp với chỉ đạo của Chính phủ tại phiên họp

cuối cùng của nhiệm kỳ (ngày 16/7/2007). Về cải cách tiền lương, Thủ tướng Chính phủ kết luận “Vấn đề tiền lương cần được làm lại, tính toán kỹ lưỡng và cụ thể hơn. Trên cơ sở kết quả đạt được của những năm qua, nếu tỷ lệ chi ngân sách cho lương chấp nhận được, thì tính toán cụ thể theo hướng tăng lên”. □

1. Báo Vn Express điện tử ra ngày 2/7/2007

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Luật Doanh nghiệp 2005.
2. Luật Đầu tư 2005.
3. Nghị quyết kỳ họp thứ X Quốc hội khoá XI (2007).
4. Pháp lệnh Công chức 2003.
5. Văn kiện Hội nghị BCH TƯ lần thứ 5 (Khoá X) 2007.
6. Văn kiện Hội nghị BCH TƯ lần thứ 7, 8 (Khoá VIII) 1999.

NHỮNG BẤT CẬP TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

(Tiếp theo trang 57)

Thứ ba, Bộ Tài chính, Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam cần nhanh chóng có những biện pháp nhằm bồi dưỡng, nâng cao đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ kế toán viên tại các doanh nghiệp nhằm ngăn chặn những hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp gây thiệt hại về vật chất, uy tín và bí mật kinh doanh của các doanh nghiệp. Đồng thời, cũng cần có những đề xuất, bổ sung trong nội dung của Hợp đồng lao động nhằm bảo đảm quyền độc lập về chuyên môn của người làm kế toán, đặc biệt là với Kế toán trưởng doanh nghiệp.

Thứ tư, tháo gỡ những khó khăn vô lý, tạo điều kiện thuận lợi, dành những ưu đãi cần thiết cho các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ kế toán. Đây là lĩnh vực

kinh doanh mới được thừa nhận ở Việt Nam từ khi Luật Kế toán có hiệu lực thi hành. Quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp dịch vụ kế toán không chỉ là việc nghiên cứu quy định các điều kiện kinh doanh thật chặt chẽ, quy định việc kiểm soát chất lượng dịch vụ một cách vô lý. Quan trọng hơn là, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm để hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp trong lĩnh vực này. Trước hết và cấp bách hơn cả là áp dụng những biện pháp kiên quyết để nghiêm cấm việc hành nghề dịch vụ kế toán của một lực lượng khá đông đảo không có chứng chỉ hành nghề, không đăng ký hành nghề, không chịu bất cứ một loại thuế nào và đang làm rối loạn thị trường dịch vụ kế toán ở Việt Nam hiện nay. □